

Số: 3269 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới
kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2025**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu
chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới kiểu mẫu
giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Kế hoạch số 353/KH-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của UBND
tỉnh Thừa Thiên Huế về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây
dựng nông thôn mới tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số
2755/TTr-SNNPTNT ngày 23 tháng 11 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Bộ tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2025.

Quy định thôn, bản đạt chuẩn thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025 là thôn:

1. Đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định này.
2. Đạt một trong những tiêu chí, chỉ tiêu kiểu mẫu theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất (về sản xuất, về giáo dục, về văn hóa, về du lịch, về cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự, về chuyên đổi số,...) mang giá trị đặc trưng của địa phương, do UBND cấp huyện quy định cụ thể.

Điều 2. Phạm vi áp dụng.

Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu là căn cứ để xây dựng và triển khai kế hoạch phấn đấu đối với các thôn, bản (kể cả thôn, bản ở những xã

chưa đạt chuẩn nông thôn mới); là cơ sở để chỉ đạo, đánh giá, xét công nhận, công bố thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2022-2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung tại Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo đề xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, xử lý.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của tỉnh, hướng dẫn cụ thể việc xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025; chỉ đạo, hỗ trợ các địa phương thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu quy định tại Quyết định này.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế ban hành quy định cụ thể những tiêu chí, chỉ tiêu kiểu mẫu theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất (về sản xuất, về giáo dục, về văn hóa, về du lịch, về cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự, về chuyển đổi số,...) mang giá trị đặc trưng của địa phương; chỉ đạo triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025; tổ chức đánh giá, xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu hằng năm theo đúng quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ NN&PTNT;
- VP Điều phối nông thôn mới TW;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Hải Minh

Phụ lục
BỘ TIÊU CHÍ THÔN, BẢN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2022-2025
(Kèm theo Quyết định số 3269 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TIÊU CHÍ CHUNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ km đường trục chính thôn, ngõ xóm được bê tông hóa (hoặc nhựa hóa) đạt chuẩn theo quy định	≥95%	Sở Giao thông vận tải
		1.2. Các tuyến đường trục chính của thôn/bản có tổ tự quản hoạt động có hiệu quả	Đạt	
		1.3. Có từ 60% trở lên số tuyến đường thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến (cây cách nhau ≤10m)	≥90%	
		1.4. Có biển báo giao thông đầu các trục thôn (biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc...).	Đạt	
2	Phòng chống thiên tai	Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
3	Điện	3.1. Tỷ lệ km đường thôn, ngõ xóm của thôn, bản có hệ thống điện chiếu sáng	100% đối với xã đồng bằng; ≥80% đối với xã miền núi	Sở Công Thương
		3.2. Hệ thống điện đảm bảo mỹ quan, cảnh quan nông thôn.	Đạt	
4	Cơ sở vật chất văn hóa	4.1. Có nhà văn hóa thôn, bản đạt chuẩn theo quy định. Khuôn viên nhà văn hóa có trồng hoa đảm bảo mỹ quan, diện tích trồng cây xanh tối thiểu 30% .	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao
		4.2. Có khu thể thao thôn, bản đạt chuẩn, thu hút người dân luyện tập thể dục thể thao thường xuyên; thu hút tham gia hoạt động trong năm tại nhà văn hóa thôn tối thiểu 30% dân số thôn	Đạt	
		4.3. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	
5	Thông tin và Truyền thông	5.1. Có thành lập và triển khai các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng tương tác, tương trợ lẫn nhau trong thôn.	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		5.2. Có hạ tầng Internet cáp quang và thông tin di động 4G/5G bao phủ đến hộ gia đình.	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn
		5.3. 100% cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông hoạt động thường xuyên.	Đạt	
		5.4. Cán bộ thôn có ứng dụng các nền tảng số để thông tin, truyền truyền đến người dân trong thôn.	Đạt	
		5.5. Trên 60% người sử dụng smartphone được hướng dẫn, tập huấn, đào tạo các kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin.	Đạt	
		5.6. Trên 60% hộ sản xuất, kinh doanh được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, kỹ năng quảng bá, giới thiệu, kinh doanh, mua bán các sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, các nền tảng số (zalo, facebook, youtube,...), kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, thanh toán trực tuyến.	Đạt	
		5.7. Trên 50% người trưởng thành trong thôn có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin, học phí, khám chữa bệnh....	Đạt	
6	Vườn và nhà ở hộ gia đình	6.1. Vườn		
		- Tỷ lệ hộ thực hiện chỉnh trang, cải tạo vườn nhà phù hợp, đảm bảo cảnh quan đẹp, không còn các loại cây dại, cây tạp	≥ 90%	Sở Nông nghiệp và PTNT
		6.2. Nhà ở		
		Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥ 97,9%	Sở Xây dựng
		6.3. Hàng rào		
		Tỷ lệ hộ có hàng rào (hàng rào bằng cây xanh, trồng hoa hoặc được xây dựng bằng các loại vật liệu khác được phủ xanh), phù hợp với đặc trưng của nông thôn	≥ 80%	Sở Nông nghiệp và PTNT
7	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	Có mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình áp dụng cơ giới hóa các khâu trong sản xuất gắn với sản xuất an toàn thực phẩm.	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu		Đơn vị chủ trì hướng dẫn
			Năm		
8	Thu nhập (triệu đồng)	Thu nhập bình quân đầu người/năm của thôn cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới (tại thời điểm xét công nhận).	Năm 2022	≥ 58.5	Cục Thống kê
			Năm 2023	≥ 63	
			Năm 2024	≥ 67.5	
			Năm 2025	≥ 72	
9	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	$\leq 2\%$		Sở Lao động Thương binh và Xã hội
10	Văn hóa, Y tế, Giáo dục	10.1. Thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định đảm bảo liên tục tối thiểu 3 năm kể cả năm công nhận	Đạt		Sở Văn hóa và Thể thao
		10.2. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 95\%$		Sở Y tế
		10.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 30\%$		Sở Lao động Thương binh và Xã hội
		10.4. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt		Sở Giáo dục và Đào tạo
		10.5. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 18 tuổi đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp	95%		
		10.6. Thôn, bản nếu có trường, điểm trường thì phải đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định	Đạt		
11	Môi trường	11.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 90\%$		Sở Nông nghiệp và PTNT
		11.2. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt và hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch	$\geq 95\%$		
		11.3. Tỷ lệ hộ/cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 85\%$		
		11.4. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		Sở Y tế

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn	
		11.5. Hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn	≥95%	Sở Tài nguyên và Môi trường	
		11.6. Tuyến đường, trục đường thôn xóm được lắp điện chiếu sáng vào ban đêm	vùng đồng bằng ≥ 95% Vùng núi ≥ 70%		
		11.7. Xây dựng tuyến đường kiểu mẫu sáng xanh sạch: Tuyến đường chính liên thôn, bản được trồng cây xanh tạo bóng mát cùng chủng loại, trồng hoa lề đường	Đạt		
		11.8. Chất thải rắn, nước thải được thu gom và xử lý phù hợp, đảm bảo không có hiện tượng tù đọng, không gây ô nhiễm môi trường	Đạt		
		11.9 Có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng	Đạt		
12	Hệ thống chính trị, An ninh trật tự xã hội	12.1 Chi bộ thôn, bản đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Sở Nội vụ	
		12.2 Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu không có công dân thường trú ở thôn phạm tội nghiêm trọng trở lên; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm; được UBND cấp xã quyết định công nhận 3 năm liên khu dân cư đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”.	Đạt	Công an tỉnh	